

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤC HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
ngày 02/5/2019

V/v yêu cầu ly hôn, tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

- ông Lý Trung Hải

- bà Hoàng Thị Chiên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Mã Thư Viện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/DSST-QĐTA ngày 11/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nông Thị B

2. Bị đơn: Đàm Văn H

Cùng trú tại địa chỉ: xóm K xã Đ huyện Phục Hòa tỉnh Cao Bằng.
Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Phục Hòa tỉnh Cao Bằng.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nông Thị B trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B có tổ chức lễ cưới với anh Đàm Văn H vào ngày 26/9/1992, hôn nhân do hai bên gia đình sắp đặt, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn huyện Phục Hòa. Sau khi cưới vợ chồng ở chung một nhà, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, sinh được hai con là Đàm V (sinh năm 1993) và Đàm T (sinh

năm 1996). Đến năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H lấy tiền của gia đình đi chơi bời và cặp bồ. Về nhà lại xỉ nhục, đánh đập, đập điện thoại của chị B nên chị B đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn.

[1.2] Về con chung: có 02 con chung tên là: Đàm V (sinh năm 1993) hiện cháu đang làm việc ở nhà. Đàm T (sinh năm 1996) hiện nay cháu đang đi học Trường Cao đẳng Y dược T. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành nên con ở với ai thì tùy.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng:

- Về tài sản chung: Chị B để lại hết cho các con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tiền hàng (bán thức ăn gia súc) là 140 triệu đồng (một trăm bốn mươi triệu) chị B sẽ có trách nhiệm tự trả. Còn khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Phục Hòa là 30 triệu đồng (chưa bao gồm tiền lãi) thì chia đôi, chị B có trách nhiệm trả 15 triệu đồng và tiền lãi (của 15 triệu đồng phần của chị B), còn anh H có trách nhiệm trả 15 triệu đồng và tiền lãi (của 15 triệu đồng phần của anh H).

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Đàm Văn H trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn, con chung, nợ tài sản chung và nợ chung đúng như chị B trình bày. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không như chị B đã trình bày. Sau khi sinh đứa con thứ hai được khoảng 02 tuổi, vợ tôi bỏ đi miền nam sinh sống 02 năm sau đó mới trở về nhà đến năm 2009 tôi đã tạo điều kiện để chị B đi học lớp y tá thôn bản với thời gian tập trung là 09 tháng, lúc đó con còn nhỏ, một mình tôi nuôi con. Nay vợ tôi xin ly hôn với lý do tôi bỏ bịch lấy tiền đi cho gái và đánh đập chị B là không đúng. Tôi chưa bao giờ đánh đập, mắng chửi nhằm đuổi vợ ra khỏi nhà chỉ có những lần bực tức do tôi không kiểm chế được tôi có chửi và đập điện thoại của vợ tôi, do vợ tôi cố tình dẫu cuộc gọi và tin nhắn trong điện thoại. Tôi biết người đàn ông có số điện thoại 0978.347.491 đã hẹn hò rủ vợ tôi đi ăn trứng, cháo đêm hai năm nay. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng vợ tôi luôn cố tình né tránh, tạo có mâu thuẫn để xin ly hôn. Từ ngày 18/01/2019 vợ tôi đã đi ở với con gái đang học ở Thái Nguyên. Trước đó vợ chồng vẫn chung sống một nhà, ăn chung, ngủ chung. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, chưa được hai bên thông gia phân tích hòa giải, hai con chưa xây dựng gia đình, còn tình cảm hai bên thông gia, tôi sẵn sàng bỏ qua những lỗi lầm của vợ tôi để mong vợ tôi suy nghĩ lại nhằm đoàn tụ gia đình.

[3.] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Xét thấy yêu cầu của chị B là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B kết hôn với anh Đàm Văn H vào ngày 26/9/1992, đăng ký kết hôn ngày 30/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn huyện Phục Hòa. Tuy hôn nhân do hai bên gia đình sắp đặt, nhưng trong một thời gian dài vợ chồng luôn hạnh phúc, sinh được hai con tên là Đàm V (sinh năm 1993) và Đàm T (sinh năm 1996). Trong quá trình chung sống anh H luôn tạo điều kiện cho chị B tham gia học tập và phát triển. Đến năm 2018 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn nguyên do xuất phát từ việc chị B luôn dẫu anh H về mối quan hệ qua điện thoại với một người đàn ông khác, đã nhiều lần anh H khuyên nhủ nhưng chị B luôn cố tình né tránh, không hợp tác.

Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với lý do là gia đình mâu thuẫn. Còn anh H khẳng định chị B luôn dẫu anh H về mối quan hệ qua điện thoại với một người đàn ông khác, đã nhiều lần anh H khuyên nhủ nhưng chị B luôn cố tình né tránh, không hợp tác, chị B tự tạo ra nguyên do để ly hôn làm cho gia đình tan vỡ. Anh H sẵn sàng bỏ qua những lỗi lầm của chị B để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy hai vợ chồng anh H và chị B có mâu thuẫn do hiểu lầm, cố chấp lẫn nhau, vụ việc chưa được hai gia đình thông gia hòa giải, không có hành vi ngược đãi, hành hạ, bạo lực gia đình, hôn nhân chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng còn có thể khắc phục và quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu đoàn tụ của anh H là có căn cứ, còn yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị B là không có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị B không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Về án phí: chị Nông Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị B đối với anh Đàm Văn H.

[2] Về án phí: chị Nông Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0001768 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phục Hòa tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- NHCS chi nhánh Phục Hòa
- UBND xã Đại Sơn;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp